

Số: 28 /TB-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 06 tháng 4 năm 2021

## THÔNG BÁO

Xét kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh  
Vào đại học chính quy năm 2021

Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo về việc xét tuyển vào đại học chính quy năm 2021 bằng phương thức Xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2021, cụ thể như sau:

### 1. Đối tượng tuyển sinh:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương từ năm 2020 trở về trước (không giới hạn năm tốt nghiệp THPT) hoặc thí sinh đang học lớp 12 các trường THPT hoặc tương đương.

+ Có kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2021

### 2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

### 3. Thời gian:

+ Thời gian bắt đầu nộp hồ sơ ĐKXT: Từ ngày 06/04/2021

+ Thời gian kết thúc nộp hồ sơ ĐKXT: Đến ngày 20/07/2021

+ Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: Ngày 27/07/2021

### 4. Số lượng nguyện vọng ĐKXT: Mỗi một thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng và xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.

### 5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Điểm sàn):

- Tổng điểm của bài thi ĐGNL cộng với điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 500 điểm trở lên.

- Riêng đối với các ngành: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Ngữ văn và ngành Sư phạm Lịch sử yêu cầu phải có học lực năm lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm trung bình xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên. Đối với ngành còn lại không yêu cầu học lực.

### 6. Điều kiện trúng tuyển: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đạt điểm chuẩn trúng tuyển của Trường Đại học Thủ Dầu Một đưa ra.

### 7. Hình thức nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh, Trường đại học Thủ Dầu Một

- Ghi phiếu ĐKXT chuyển phát nhanh qua đường bưu điện

- Đăng ký online: <http://dkxt.tdmu.edu.vn>

### 8. Lệ phí ĐKXT: 25.000đ/1 nguyện vọng (ngành)

### 9. Chỉ tiêu: 8% của tổng chỉ tiêu từng ngành

**10. Nguyên tắc xét tuyển:** Sau khi kết thúc thời gian nhận hồ sơ, Trường đại học Thủ Dầu Một sẽ tiến hành xét tuyển. Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành, xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm trúng tuyển là tổng điểm của bài thi ĐGNL cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

**11. Các ngành tuyển sinh:**

**CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG VIỆT**

| Stt | Tên ngành                               | Mã ngành | Chỉ tiêu |
|-----|-----------------------------------------|----------|----------|
| 1   | Quản trị Kinh doanh                     | 7340101  | 350      |
| 2   | Kế toán                                 | 7340301  | 250      |
| 3   | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng     | 7510605  | 100      |
| 4   | Tài chính - Ngân hàng                   | 7340201  | 250      |
| 5   | Quản lý Công nghiệp                     | 7510601  | 100      |
| 6   | Du lịch                                 | 7810101  | 120      |
| 7   | Công nghệ Thông tin                     | 7480201  | 112      |
| 8   | Kỹ thuật Phần mềm                       | 7480103  | 69       |
| 9   | Hệ thống Thông tin                      | 7480104  | 36       |
| 10  | Kỹ thuật Điện                           | 7520201  | 120      |
| 11  | Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa      | 7520216  | 60       |
| 12  | Kỹ thuật Cơ điện tử                     | 7520114  | 60       |
| 13  | Công nghệ kỹ thuật ô tô                 | 7510205  | 100      |
| 14  | Kỹ thuật điện tử - viễn thông           | 7520207  | 50       |
| 15  | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu    | 7480205  | 30       |
| 16  | Kỹ thuật Xây dựng                       | 7580201  | 90       |
| 17  | Kiến trúc                               | 7580101  | 90       |
| 18  | Kỹ nghệ gỗ (Công nghệ Chế biến Lâm sản) | 7549001  | 60       |
| 19  | Quy hoạch Vùng và Đô thị                | 7580105  | 50       |
| 20  | Quản lý Đô thị                          | 7580107  | 50       |
| 21  | Thiết kế Đồ họa                         | 7210403  | 100      |
| 22  | Âm nhạc                                 | 7210405  | 30       |
| 23  | Mỹ thuật ứng dụng (Mỹ thuật)            | 7210407  | 30       |
| 24  | Văn hóa học                             | 7229040  | 50       |
| 25  | Truyền thông đa phương tiện             | 7320104  | 50       |
| 26  | Công tác Xã hội                         | 7760101  | 60       |
| 27  | Ngôn ngữ Anh                            | 7220201  | 300      |
| 28  | Ngôn ngữ Trung Quốc                     | 7220204  | 270      |
| 29  | Ngôn ngữ Hàn Quốc                       | 7220210  | 50       |
| 30  | Luật                                    | 7380101  | 300      |
| 31  | Quản lý Nhà nước                        | 7310205  | 130      |
| 32  | Chính trị học                           | 7310201  | 50       |
| 33  | Quản lý Đất đai                         | 7850103  | 70       |

|    |                                         |         |     |
|----|-----------------------------------------|---------|-----|
| 34 | Quản lý Tài nguyên và Môi trường        | 7850101 | 100 |
| 35 | Quan hệ quốc tế                         | 7310206 | 50  |
| 36 | Kỹ thuật Môi trường                     | 7520320 | 50  |
| 37 | Hóa học                                 | 7440112 | 80  |
| 38 | Công nghệ Sinh học                      | 7420201 | 50  |
| 39 | Công nghệ Thực phẩm                     | 7540101 | 100 |
| 40 | Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm | 7540106 | 50  |
| 41 | Dinh dưỡng                              | 7720401 | 50  |
| 42 | Tâm lý học                              | 7310401 | 70  |
| 43 | Giáo dục học                            | 7140101 | 30  |
| 44 | Giáo dục Mầm non                        | 7140201 | 50  |
| 45 | Giáo dục Tiểu học                       | 7140202 | 100 |
| 46 | Sư phạm Ngữ Văn                         | 7140217 | 50  |
| 47 | Sư phạm Lịch sử                         | 7140218 | 20  |
| 48 | Toán học                                | 7460101 | 50  |

### CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO THEO CHUẨN KIỂM ĐỊNH QUỐC TẾ BẰNG TIẾNG ANH

| Stt | Tên ngành                             | Mã ngành | Chỉ tiêu |
|-----|---------------------------------------|----------|----------|
| 1   | Business Administration               | 7340101  | 50       |
| 2   | Software Engineering                  | 7480103  | 50       |
| 3   | Chemistry                             | 7440112  | 50       |
| 4   | Electrical and Electronic Engineering | 7520201  | 50       |

- Đối với các ngành đào tạo bằng tiếng Anh, thí sinh phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
- Sau khi trúng tuyển, thí sinh nộp bổ sung giấy chứng nhận đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ hoặc tham gia kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức.

**Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Thủ Dầu Một**  
Số 6, Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.  
**Website:** [www.tdmu.edu.vn](http://www.tdmu.edu.vn)    **Email:** [trungtamtuylensinh@tdmu.edu.vn](mailto:trungtamtuylensinh@tdmu.edu.vn)  
**Điện thoại:** (0274) 3835677 – (0274) 3844340 – (0274) 3844.341  
**Fanpage:** <https://www.facebook.com/tuylensinhTDMU>  
**Hotline:** 0911.022.322

#### Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng và Các phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Lưu: VT.



TS. Ngô Hồng Diệp

